BỘ XÂY DỰNG

BỘ XÂY DỰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08/2013/TT-BXD	*Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2013*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thủy điện Lai Châu

Căn cứ Nghị định số 17/2008/NĐ-CP ngày 04/02/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 29/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành cơ chế quản lý và thực hiện Dự án thủy điện Lai Châu;

Căn cứ ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 2203/VPCP-KTN ngày 21/3/2013 về việc ban hành Thông tư hướng dẫn một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng thủy điện Lai Châu.

Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng thủy điện Lai Châu như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thủy điện Lai Châu bao gồm:

1.1. Chi phí trực tiếp khác trong dự toán xây dựng công trình;

1.2. Các chi phí không thuộc chi phí trực tiếp khác trong dự toán xây dựng công trình;

1.3. Chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước trong giá vật liệu khai thác tại công trình thủy điện Lai Châu;

1.4. Chi phí vận chuyển vật liệu đến hiện trường xây dựng;

1.5. Định mức gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn tấm lớn công trình thủy công;

1.6. Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công;

1.7. Định mức chi phí lập thiết kế tổ chức thi công

1.8. Chi phí Tổng thầu

1.9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng.

1.10. Chi phí công tác tháo dỡ, vận chuyển đến công trình và đi khi xong công trình, bảo quản và lắp đặt các thiết bị phục vụ thi công gồm: cần trục MD900,

MD2200 (hoặc tương đương), cần trục bánh xích 150 tấn trở lên, trạm trộn bê tông, trạm lạnh, băng tải, các trạm nghiền cốt liệu...:

1.11. Chi phí làm đêm

1.12. Các khoản mục chi phí ngoài các khoản mục chi phí nêu trên trong Tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán của công trình thủy điện Lai Châu thực hiện theo Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 29/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ và các quy định của Nhà nước tương ứng với từng thời kỳ.

2. Nguyên tắc lập và quản lý chi phí

Việc lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình thủy điện Lai Châu thực hiện theo Quyết định số 188/QĐ-TTg ngày 29/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 819/2010/QĐ-TTg ngày 06/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Dự án đầu tư, các quy định của Nhà nước tương ứng với từng thời kỳ và phải đảm bảo mục tiêu đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình, đảm bảo tính đúng, tính đủ, phù hợp với điều kiện thực tế và yêu cầu khách quan của công trình.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ

1. Chi phí trực tiếp khác trong dự toán xây dựng công trình

Là chi phí cho những công tác cần thiết phục vụ trực tiếp việc thi công xây dựng công trình như di chuyển lực lượng lao động trong nội bộ hiện trường xây lắp (không bao gồm chi phí đưa đón công nhân xây dựng từ nhà tạm tại hiện trường để ở đến hiện trường xây lắp), bảo vệ môi trường cho người lao động và môi trường xung quanh, thí nghiệm vật liệu xây dựng của Nhà thầu và chi phí bơm nước, vét bùn, không thường xuyên và không xác định được khối lượng từ thiết kế. Mức chi phí trực tiếp khác được xác định như sau:

1.1. Công tác xây dựng (hạng mục) trong hầm thì chi phí trực tiếp khác (kể cả chi phí vận hành, chi phí sửa chữa thường xuyên hệ thống cấp nước, thoát nước, cấp gió, cấp điện, giao thông phục vụ thi công trong hầm) được tính bằng 6,5% trên tổng chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong dự toán xây dựng công trình.

1.2. Đối với (hạng mục) ngoài hầm thì chi phí trực tiếp khác được tính bằng 2% trên tổng chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công trong dự toán xây dựng công trình.

2. Các chi phí không thuộc chi phí trực tiếp khác trong dự toán xây dựng công trình (xác định bằng lập dự toán chi phí theo thiết kế, quy mô, đề cương thí nghiệm, phương án vận chuyển được duyệt), gồm:

2.1. Chi phí đầu tư ban đầu hệ thống nước kỹ thuật để thi công công trình và hệ thống nước sinh hoạt tại công trường.

2.2. Chi phí đầu tư ban đầu cho hệ thống thông gió, chiếu sáng, hệ thống điện, cấp thoát nước, giao thông phục vụ thi công trong hầm đối với các công tác thi công trong hầm.

2.3. Chi phí đầu tư ban đầu cho công tác bơm nước, bơm thoát nước hố móng ngay sau khi ngăn sông, chống lũ và hệ thống điện 0,4kv phục vụ thi công và sinh hoạt.

2.4. Chi phí thường xuyên cho công tác bơm thoát nước hố móng ngay sau khi ngăn sông, chống lũ.

2.5. Chi phí di chuyển lực lượng thi công đến công trình; chi phí tháo dỡ, vận chuyển, lắp đặt cần trục tháp và cần trục xích ≥ 150 tấn trong nội bộ công trường; duy tu bảo dưỡng hệ thống giao thông phục vụ thi công trong công trường; chi phí vận hành hệ thống điện từ điểm đấu nối hệ thống điện công trình đến trạm hạ thế cuối cùng của công trình (điểm đặt công tơ đo đếm để mua điện).

2.6. Chi phí xử lý rác thải, nước thải cho khu nhà ở tạm tại công trường.

2.7. Chi phí thí nghiệm tăng thêm của thí nghiệm thi công bê tông đầm lăn (RCC).

3. Chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước trong giá vật liệu khai thác tại công trình thủy điện Lai Châu.

Đối với những loại vật liệu như: Cát, đá, đất dính và vật liệu làm lớp lọc được các đơn vị thi công khai thác, sản xuất ra thành phẩm để phục vụ thi công công trình thì được áp dụng tỷ lệ chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước để tính vào giá bán sản phẩm. Tỷ lệ cụ thể chi phí trực tiếp khác, chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước được xác định như sau:

3.1. Chi phí trực tiếp khác tính bằng 1,5% trên chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công.

3.2. Chi phí chung tính bằng 2,5% trên chi phí máy thi công.

3.3. Thu nhập chịu thuế tính trước tính bằng 3% trên chi phí trực tiếp và chi phí chung.

Biểu tổng hợp dự toán chi phí sản xuất vật liệu như phụ lục số 1 kèm theo Thông tư này.

4. Xác định chi phí vận chuyển vật liệu đến hiện trường xây dựng.

Chi phí vận chuyển được xác định trên cơ sở chủng loại vật liệu, phương án vận chuyển, địa điểm cung cấp, cấp loại đường vận chuyển, cước vận chuyển. Chủ đầu tư và nhà thầu thương thảo, thỏa thuận chi phí vận chuyển để áp dụng.

5. Về định mức gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn tấm lớn công trình thủy công để sử dụng.

Ván khuôn tấm lớn công trình thủy công là các ván khuôn có kích thước của một tấm ván khuôn từ 1,5 x 2m trở lên. Định mức gia công, lắp dựng, tháo dỡ ván khuôn tấm lớn công trình thủy công thực hiện theo công bố của Bộ Xây dựng.

6. Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công (bao gồm cả chi phí đưa đón công nhân xây dựng từ nhà tạm tại hiện trường để ở đến hiện trường xây lắp, chi phí duy tu sửa chữa thường xuyên) được tính toán căn cứ vào nhu cầu cần thiết của công trình, theo tổng mặt bằng và tổng tiến độ công trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, nhưng không vượt quá 2% giá trị dự toán chi phí xây dựng của công trình.

7. Định mức chi phí lập thiết kế tổ chức thi công: Tổng thầu xây dựng dự án thủy điện Lai Châu được thanh toán chi phí thiết kế tổ chức thi công. Tổng thầu lập dự toán chi phí thiết kế tổ chức thi công trên cơ sở tỷ lệ % như sau:

a) Áp dụng tỷ lệ định mức chi phí thiết kế tổ chức thi công là 8% của thiết kế phí tương ứng cho các hạng mục công trình tạm và các hạng mục đập không tràn.

b) Áp dụng tỷ lệ định mức chi phí thiết kế tổ chức thi công là 12% của thiết kế phí tương ứng cho các hạng mục còn lại.

Riêng thiết kế biện pháp tổ chức thi công khai thác mỏ đá: Tổng thầu được thuê tư vấn có đủ điều kiện năng lực để thực hiện việc thiết kế; chi phí thực hiện công tác này được tính toán như thiết kế tổ chức thi công bóc phủ mỏ.

8. Chi phí Tổng thầu: chi phí Tổng thầu xây dựng dự án thủy điện Lai Châu được xác định bằng việc Tổng thầu lập dự toán, Chủ đầu tư phê duyệt với mức chi phí tổng thầu được hưởng bằng 40% chi phí quản lý dự án được quy định trong các Thông tư hướng dẫn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng tương ứng với từng thời kỳ và đưa vào tổng dự toán xây dựng công trình.

9. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Các bên trong hợp đồng là các doanh nghiệp Nhà nước (Tổng công ty Sông Đà và Tập đoàn Điện lực Việt Nam) được thương thảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: với mức áp dụng hình thức bảo đảm thực hiện hợp đồng đối với các Nhà thầu được chỉ định thực hiện dự án thủy điện Lai Châu là 1%.

10. Chi phí công tác tháo dỡ, vận chuyển đến công trình và đi khi xong công trình, bảo quản và lắp đặt các thiết bị phục vụ thi công gồm: cần trục MD900, MD2200 (hoặc tương đương), cần trục bánh xích 150 tấn trở lên, trạm trộn, trạm lạnh, băng tải, các trạm nghiền...: được phép bổ sung thêm chi phí công tác tháo dỡ, vận chuyển đến công trình, bảo quản và lắp đặt các thiết phục vụ thi công gồm: cần trục MD900, MD2200 (hoặc tương đương), cần trục bánh xích 150 tấn trở lên, trạm trộn bê tông, trạm lạnh, băng tải, các trạm nghiền cốt liệu... Nhà thầu lập dự

toán trình Chủ đầu tư thẩm định, phê duyệt trên cơ sở Tổng mặt bằng thi công đã được Bộ Công Thương phê duyệt làm cơ sở thực hiện.

11. Dự toán chi phí công tác gia công thiết bị, kết cấu thép tại hiện trường được lập như dự toán công tác lắp đặt thiết bị.

12. Chi phí làm đêm được tính trong dự toán xây lắp với cách tính như phụ lục số 2 kèm theo Thông tư này.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và áp dụng cho công trình thủy điện Lai Châu. Các hạng mục công trình, công việc đã quyết toán không áp dụng Thông tư này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Xây dựng để nghiên cứu giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Sơn

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BXD ngày 17 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VẬT LIỆU PHỤC VỤ CHO CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN LAI CHÂU

STT	Khoản mục chi phí	Cách tính	Ký hiệu
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP		
1	Chi phí vật liệu	$\sum_{j=1}^{n} Q_j \times D_j^{vl}$	VL
2	Chi phí nhân công	$\sum_{j=1}^{n} Q_j \times D_j^{nc} \times (1 + K_{nc})$	NC
3	Chi phí máy thi công	$\sum_{j=1}^{n} Q_j \times D_j^{m} \times (1 + K_{mtc})$	M
4	Chi phí trực tiếp khác	(VL + NC + M) x 1,5%	TT
	Chi phí trực tiếp	VL+NC+M + TT	T
II	CHI PHÍ CHUNG	M x 2,5%	C
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T + C) x 3%	TL
	Chi phí vật liệu xây dựng trước thuế	(T + C + TL)	G

Trong đó:

- Q_j là khối lượng vật liệu j (j = 1 ÷ n) dùng để khai thác và sản xuất ra vật liệu xây dựng cho công trình.

- D_j^{vl}, D_j^{nc}, D_j^{m} là đơn giá vật liệu, nhân công, máy thi công để khai thác và sản xuất ra vật liệu xây dựng cho công trình.

+ K_{nc}, K_{mtc} : Hệ số điều chỉnh nhân công, máy thi công (nếu có).

Phụ lục 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2013/TT-BXD ngày 17 tháng 5 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN
(CÓ CHI PHÍ LÀM ĐÊM CÔNG TRÌNH THỦY ĐIỆN LAI CHÂU)

STT	Nội dung chi phí	Cách tính	Ký hiệu
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP		
	Chi phí vật liệu	$\sum_{j=1}^{n} Q_j \times D_j^{vl}$	VL
1	Chi phí nhân công	$\sum_{j=1}^{m} Q_j \times D_j^{nc} \times (1 + K_{nc}) \times K_{NCLĐ}$	NC
2	Chi phí máy thi công	$\sum_{j=1}^{h} Q_j \times D_j^{m} \times (1 + K_{mtc}) \times K_{MLĐ}$	M
	Chi phí trực tiếp khác	(VL + NC + M) x 1,5%	TT
	Chi phí trực tiếp	VL + NC+ M + TT	T
II	CHI PHÍ CHUNG	T x tỷ lệ	C
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	(T + C) x tỷ lệ	TL
	Chi phí xây dựng trước thuế	(T + C + TL)	G
IV	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	$G \times T^{GTGT-XD}$	GTGT
	Chi phí xây dựng sau thuế	G + GTGT	G_{XD}

- Q_j là khối lượng công tác xây dựng thứ j;
- D_j^{VL} đơn giá vật liệu trong đơn giá xây dựng công trình.
- D_j^{nc} đơn giá nhân công trong đơn giá xây dựng công trình.
- D_j^{m} đơn giá máy thi công trong đơn giá xây dựng công trình.
- K_{nc}, K_{mtc} : hệ số điều chỉnh nhân công, máy thi công (nếu có);
- $K_{NCLĐ}$: hệ số nhân công làm đêm.
- $K_{MLĐ}$: hệ số máy thi công làm đêm;

- $K_{NCLĐ}$, $K_{MLĐ}$ xác định theo Tổng tiến độ của dự án được duyệt, Chủ đầu tư và Nhà thầu thỏa thuận, thống nhất các hạng mục phải làm đêm, tỷ lệ khối lượng công việc phải làm đêm làm cơ sở tính toán hệ số điều chỉnh nhân công làm đêm, máy thi công làm đêm theo công thức sau:

- $K_{NCLĐ}$ = 1 + tỷ lệ khối lượng công việc phải làm đêm * 30% (đơn giá nhân công của công việc làm việc vào ban đêm).

- $K_{MLĐ} = 1 - g + g^* K_{NCLĐ}$

+ Trong đó: g là tỷ lệ tiền lương bình quân trong giá ca máy.

- Định mức tỷ lệ chi phí chung và thu nhập chịu thuế tính trước được quy định tại Thông tư hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình của Bộ Xây dựng tương ứng với từng thời kỳ;

- G: chi phí xây dựng công trình;

- $T^{GTGT-XD}$: mức thuế suất thuế GTGT quy định cho công tác xây dựng;